

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2014/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 03 tháng 06 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ, về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp, hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 218/TTr-STP ngày 02 tháng 5 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Căn cứ Quy chế được duyệt, các cơ quan chuyên môn, đơn vị có thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm triển khai, thực hiện tại cơ quan, đơn vị.

Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này và định kỳ báo cáo kết quả với UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 30/2011/QĐ-UBND ngày 17/10/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế phối hợp trong việc công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

(1) Sở (X): Nêu tên cơ quan, đơn vị tham mưu xây dựng dự thảo Quyết định công bố TCHC và trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị có thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Trọng Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 6 năm 2014 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này, quy định về việc công bố, niêm yết, công khai thủ tục hành chính (TTHC); trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh công bố các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh và trách nhiệm niêm yết, công khai các TTHC đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố trên địa bàn tỉnh.

Những nội dung không được quy định trong Quy chế này thì được thực hiện thống nhất theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC; Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết TTHC và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC và các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh có triển khai thực hiện công tác kiểm soát TTHC (sau đây gọi chung là các cơ quan chuyên môn); UBND các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện); UBND xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) trên địa bàn tỉnh và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoạt động kiểm soát TTHC.

Chương II

CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Điều 3. Mục đích, yêu cầu công bố Thủ Tục Hành Chính

1. Mục đích

(1) Sở (X): Nêu tên cơ quan, đơn vị tham mưu xây dựng dự thảo Quyết định công bố TCHC và trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành.

Công bố TTHC để đảm bảo thực hiện đầy đủ, chính xác, đồng bộ, thống nhất, minh bạch và kịp thời các quy định TTHC, tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhân dân kiểm tra, giám sát việc giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh, góp phần phòng, chống tiêu cực, củng cố lòng tin của nhân dân đối với các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

a) TTHC phải được công bố dưới hình thức Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

b) TTHC được công bố phải đúng thẩm quyền, theo quy trình, đảm bảo độ tin cậy, chính xác, đầy đủ, kịp thời và đúng thời hạn quy định.

c) Quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có giá trị là văn bản gốc để các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tiếp nhận, sử dụng làm cơ sở xây dựng quyết định công bố, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành.

d) Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh phải thống nhất với Quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, và phải bổ sung đầy đủ bộ phận tạo thành của TTHC (nếu có) được quy định trong các văn bản QPPL, thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND tỉnh, UBND tỉnh.

Điều 4. Điều kiện, phạm vi công bố TTHC

1. Điều kiện đối với TTHC được công bố

a) TTHC thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

Các cơ quan, đơn vị không tham mưu cho UBND tỉnh công bố đối với TTHC trong nội bộ của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau không liên quan đến việc giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức khác; thủ tục xử lý vi phạm hành chính; thủ tục thanh tra và TTHC có nội dung bí mật nhà nước.

b) TTHC đã được ban hành trong các văn bản QPPL thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, HĐND tỉnh, UBND tỉnh.

2. Phạm vi công bố TTHC được thực hiện theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

Điều 5. Trách nhiệm xây dựng dự thảo Quyết định công bố TTHC

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm xây dựng dự thảo Quyết định công bố TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý ngành, lĩnh vực, của cơ quan mình (bao gồm cả TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã) ngay sau khi nhận được Quyết định công bố TTHC của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.

2. Trong trường hợp gần đến ngày văn bản QPPL có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành, nhưng vẫn chưa nhận được Quyết định công bố TTHC của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thì cơ quan chuyên môn chủ động xây dựng dự thảo Quyết định công bố TTHC để kịp thời tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh ban hành chậm nhất trước 05 ngày làm việc tính đến ngày văn bản QPPL có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành.

3. Trong trường hợp phải tham mưu công bố sửa đổi, bổ sung thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ nội dung của TTHC cho phù hợp với văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, thì cơ quan chuyên môn có trách nhiệm xây dựng dự thảo Quyết định công bố TTHC để kịp thời tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh ban hành chậm nhất trước 05 ngày làm việc tính đến ngày văn bản QPPL của HĐND tỉnh hoặc UBND tỉnh có hiệu lực thi hành.

4. Các cơ quan chuyên môn có trách nhiệm chỉ đạo các Phòng, đơn vị trực thuộc có liên quan chủ trì, phối hợp với Phòng Pháp chế hoặc Bộ phận pháp chế, cán bộ pháp chế (sau đây gọi chung là Phòng Pháp chế) để tham mưu xây dựng các dự thảo Quyết định công bố TTHC của cơ quan mình.

Điều 6. Trách nhiệm đôn đốc, kiểm soát chất lượng dự thảo Quyết định công bố TTHC

1. Phòng Pháp chế thuộc các cơ quan chuyên môn có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi và kiểm soát chất lượng dự thảo Quyết định công bố TTHC do cơ quan mình xây dựng trước khi gửi Dự thảo này đến Sở Tư pháp để kiểm soát chất lượng.

2. Phòng Kiểm soát TTHC thuộc Sở Tư pháp có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi và kiểm soát chất lượng đối với các Dự thảo Quyết định công bố TTHC do các cơ quan chuyên môn xây dựng trước khi cơ quan chuyên môn trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố.

Điều 7. Hình thức và nội dung của dự thảo Quyết định công bố TTHC

1. Dự thảo Quyết định công bố TTHC được xây dựng theo hình thức văn bản cá biệt (theo mẫu Phụ lục số 1), được kết cấu cụ thể như sau:

(1) Sở (X): Nêu tên cơ quan, đơn vị tham mưu xây dựng dự thảo Quyết định công bố TTHC và trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành.

a) Quyết định

b) Danh mục TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ.

c) Nội dung cụ thể của từng TTHC cần công bố (trừ trường hợp hủy bỏ, bãi bỏ) và các thông tin, tài liệu kèm theo nếu có, gồm: phí, lệ phí; yêu cầu, điều kiện mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu kết quả thực hiện TTHC.

2. Nội dung của dự thảo Quyết định công bố

a) Đối với TTHC mới ban hành, nội dung công bố phải bao gồm đầy đủ các thông tin sau:

- Các bộ phận tạo thành TTHC theo quy định tại khoản 2, Điều 8, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

- Văn bản QPPL quy định về TTHC; chỉ công bố văn bản QPPL có quy định về TTHC hoặc có quy định về các bộ phận tạo thành TTHC.

Ngoài việc xác định các văn bản về TTHC; chỉ công bố văn bản QPPL có quy định về TTHC hoặc có quy định về các bộ phận tạo thành TTHC.

Ngoài việc xác định các văn bản QPPL có quy định về TTHC tại mục “Căn cứ pháp lý của TTHC”, các cơ quan, đơn vị phải xác định và ghi rõ các điều, khoản, điểm có quy định về các bộ phận cấu thành TTHC để tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức có liên quan tra cứu, kiểm tra, giám sát việc công bố, thực hiện.

- Địa điểm, thời gian thực hiện TTHC.

b) Đối với TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

- Trong trường hợp TTHC có nhiều nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế và cần công bố lại toàn bộ các bộ phận tạo thành TTHC theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này, thì nội dung công bố phải xác định rõ bộ phận TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng cách in nghiêng nội dung này và ghi chú rõ “*Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung/thay thế*” ngay sau từng TTHC; xác định rõ văn bản QPPL có quy định về việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; đồng thời xác định rõ “TTHC cần bãi bỏ, thay thế hoặc hết hiệu lực được công bố tại Quyết định trước đó” cho phù hợp.

- Trong trường hợp TTHC có ít nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thì chỉ công bố bộ phận TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế và xác định rõ văn bản QPPL có quy định về việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Trong trường hợp này, sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh công bố, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết TTHC phải hợp nhất bộ phận TTHC được công bố sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại Quyết định công bố mới với bộ phận TTHC còn lại (không được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế) tại Quyết định công bố trước đó để niêm yết và công khai đầy đủ, toàn bộ các bộ phận tạo thành TTHC.

- Tùy từng trường hợp cụ thể, các cơ quan chuyên môn quyết định việc công bố tại toàn bộ các bộ phận tạo thành TTHC hoặc chỉ công bố bộ phận TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế được nêu trên đây cho phù hợp.

c) Đối với TTHC bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ, nội dung công bố phải xác định rõ các thông tin sau đây:

- Tên TTHC bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ và số, ký hiệu hồ sơ TTHC nếu TTHC đã được đăng tải trên cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Tên TTHC bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ phải được xác định và ghi chính xác, thống nhất với tên TTHC đã được công bố trước đó.

- Văn bản QPPL có quy định về việc hủy bỏ hoặc bãi bỏ TTHC (nếu có).

Điều 8. Quy trình xây dựng, ban hành Quyết định công bố

1. Trường hợp có bổ sung TTHC hoặc bổ sung bộ phận tạo thành của TTHC theo quy định của văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh:

a) Căn cứ vào Quyết định công bố của Bộ trưởng hoặc Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh bổ sung TTHC hoặc bộ phận tạo thành của TTHC, hoàn thành dự thảo Quyết định công bố trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định công bố của Bộ trưởng hoặc Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; đồng thời gửi dự thảo Quyết định công bố đến Sở Tư pháp để kiểm soát chất lượng.

Hồ sơ dự thảo Quyết định công bố gửi đến Sở Tư pháp gồm:

- Văn bản đề nghị kiểm soát chất lượng dự thảo Quyết định công bố;

- Dự thảo Tờ trình ban hành Quyết định công bố.

- Dự thảo Quyết định công bố với đầy đủ bộ phận kết cấu được nêu tại Khoản 1, Điều 7, Quy chế này.

b) Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm soát về hình thức, nội dung dự thảo Quyết định công bố và gửi văn bản có ý kiến trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được dự thảo Quyết định công bố.

(1) Sở (X): Nêu tên cơ quan, đơn vị tham mưu xây dựng dự thảo Quyết định công bố TCHC và trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành.

c) Các cơ quan chuyên môn xây dựng dự thảo Quyết định công bố có trách nhiệm tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Quyết định công bố và trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến của Sở Tư pháp.

Trường hợp có nội dung không thống nhất với ý kiến của Sở Tư pháp, cơ quan chuyên môn xây dựng dự thảo Quyết định công bố được bảo lưu ý kiến của mình. Trong trường hợp này, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn phải báo cáo, giải trình rõ lý do bảo lưu ý kiến để Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về việc tham mưu của cơ quan mình với Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định của pháp luật;

Hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành Quyết định công bố gồm:

- Tờ trình ban hành Quyết định công bố.
- Dự thảo Quyết định công bố với đầy đủ bộ phận kết cấu được nêu tại khoản 1, Điều 7, Quy chế này.
- Văn bản có ý kiến của Sở Tư pháp đối với dự thảo Quyết định công bố.
- Văn bản báo cáo, giải trình rõ lý do bảo lưu ý kiến của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn trong trường hợp không thống nhất với ý kiến của Sở Tư pháp đối với dự thảo Quyết định công bố.

2. Trường hợp TTHC trong Quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đã đảm bảo đầy đủ các bộ phận tạo thành và văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp tỉnh không có quy định liên quan về TTHC đã được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ công bố, thì cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thông báo cho Sở Tư pháp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, đồng thời trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố dưới hình thức “Bản sao y bản chính” và tổ chức ngay việc niêm yết công khai TTHC đã công bố theo quy định.

3. Trong trường hợp tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố TTHC theo quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3, Điều 5 của Quy chế này, thì quy trình xây dựng và ban hành Quyết định công bố được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1, Điều này.

4. Sau khi Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành hoặc ký xác thực Quyết định công bố theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, Văn phòng UBND tỉnh phải gửi Quyết định công bố đến Cục Kiểm soát TTHC thuộc Bộ Tư pháp để theo dõi, gửi đến Sở Tư

pháp để quản lý và gửi đến Sở Thông tin và Truyền thông để công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã tham mưu ban hành Quyết định công bố phải công khai Quyết định công bố trên Trang thông tin điện tử của cơ quan mình nếu có.

Chương III

NIÊM YẾT, CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Điều 9. Trách nhiệm niêm yết, công khai TTHC

1. Các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ trực tiếp nhận, giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh phải thực hiện niêm yết kịp thời, đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết.

Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc trực tiếp giải quyết TTHC thực hiện nghiêm túc việc niêm yết TTHC tại trụ sở cơ quan, đơn vị mình theo quy định tại Quy chế này.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm thực hiện công khai kịp thời các TTHC trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

3. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện niêm yết TTHC tại các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ trực tiếp tiếp nhận, giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh.

Điều 10. Yêu cầu của việc kiểm soát TTHC

Việc niêm yết TTHC phải được thực hiện đúng theo yêu cầu được quy định tại Điều 10, Thông tư số 05/2014/TT-BTP.

Điều 11. Hình thức công khai và cách thức niêm yết TTHC

1. Hình thức công khai bắt buộc

+ Niêm yết tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận, giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức.

+ Đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

+ Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

+ Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã tham mưu ban hành Quyết định công bố (nếu có Trang thông tin điện tử).

(1) Sở (X): Nêu tên cơ quan, đơn vị tham mưu xây dựng dự thảo Quyết định công bố TTHC và trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành.

2. Hình thức công khai không bắt buộc

+ Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan tham mưu ban hành văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh có quy định về TTHC hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan thực hiện TTHC.

+ Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

+ Hình thức khác, như: tập hợp các TTHC theo lĩnh vực để đóng thành quyển đặt tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC; in tờ rơi; sử dụng máy tính có kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia tại địa chỉ <http://csdl.thutuchanhchinh.vn>, v.v...

3. Cách thức niêm yết TTHC

Cách thức niêm yết TTHC được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và 2, Điều 11, Thông tư số 05/2014/TT-BTP.

Điều 12. Niêm yết “Nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức”

1. Nội dung hướng dẫn niêm yết thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo phụ lục 2.

2. Trách nhiệm thực hiện, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc kiểm tra việc niêm yết “Nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức” được thực hiện theo quy định tại Điều 9, Quy chế này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm triển khai thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về việc quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế này tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; thường xuyên tổng hợp những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện để báo cáo UBND tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Trọng Hải

PHỤ LỤC SỐ 1**MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở (X)¹ tỉnh Đắk Lắk/UBND cấp huyện/UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết TTHC và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số/2014/QĐ-UBND ngày .../...2014 của UBND tỉnh ban hành Quy chế công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở (X) tại Tờ trình số... ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở (X) tỉnh Đắk Lắk/UBND cấp huyện/ UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(1) Sở (X): Nêu tên cơ quan, đơn vị tham mưu xây dựng dự thảo Quyết định công bố TCHC và trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành.

(Các TTHC, hoặc các bộ phận tạo thành TTHC được công bố tại Quyết định này có hiệu lực theo ngày văn bản QPPL có quy định về TTHC hoặc bộ phận tạo thành TTHC có hiệu lực thi hành).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Sở (X), Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Giám sát TTHC - Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
-
- Lưu

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ(X)...../UBND CẤP
HUYỆN/UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số:/QĐ-UBND
ngày .../.../... của Chủ tịch UBND tỉnh)

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

I. DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH

Số TT	Tên thủ tục hành chính
A. Lĩnh vực...	
1	Thủ tục a
2	Thủ tục b
n
B. Lĩnh vực...	
1	Thủ tục c
2	Thủ tục d
n

II. DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG /THAY THẾ

Số TT	Số hồ sơ TTHC ¹	Tên Thủ tục hành chính sau khi sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế ²	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; Số thứ tự của TTHC và Quyết định công bố TTHC trước đó ³	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế ⁴
A. Lĩnh vực				
1		Thủ tục a		
2		Thủ tục b		
n			
B. Lĩnh vực				
1		Thủ tục c		
2		Thủ tục d		
n			

III. DANH MỤC TTHC BỊ HỦY BỎ/BÃI BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC ⁵	Tên thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ; Số	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính ⁷
-----	----------------------------	--	---

		thứ tự của TTHC và Quyết định công bố TTHC trước đó⁶	
A. Lĩnh vực...			
1		Thủ tục a	
2		Thủ tục b	
n		
B. Lĩnh vực...			
1		Thủ tục c	
2		Thủ tục d	
n		

Phần II

NỘI DUNG CỦA TTHC MỚI BAN HÀNH HOẶC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ

I. ĐỐI VỚI TTHC MỚI BAN HÀNH

A. Lĩnh vực

1. Thủ tục a

- a) Trình tự thực hiện: *(bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính).*
- b) Cách thức thực hiện:
- c) Thành phần, số lượng hồ sơ;
- d) Thời hạn giải quyết;
- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính;
- e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính;
- f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;
- g) Lệ phí *(nếu có)*;
- h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: *(nếu có đính kèm ngay sau thủ tục a)*
- i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính *(nếu có)*;
- k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính;

n. Thủ tục n

B. Lĩnh vực.....

1. Thủ tục a

- a) Trình tự thực hiện: *(bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính).*
- b) Cách thức thực hiện:
- c) Thành phần, số lượng hồ sơ;

- d) Thời hạn giải quyết;
- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính;
- e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính;
- f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;
- g) Lệ phí (*nếu có*);
- h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: (*nếu có đính kèm ngay sau thủ tục a*)
- i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (*nếu có*);
- k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính;

n. Thủ tục n

II. ĐỐI VỚI TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC THAY THẾ

1. Đối với trường hợp TTHC có nhiều nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế và cần công bố tại toàn bộ các bộ phận tạo thành TTHC: các cơ quan, đơn vị xây dựng đầy đủ, toàn bộ các bộ phận tạo thành TTHC như đối với trường hợp công bố TTHC mới ban hành. Nội dung công bố phải xác định rõ bộ phận TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng cách in nghiêng nội dung này và ghi chú rõ “*Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung/thay thế*” ngay sau từng TTHC, xác định rõ văn bản QPPL có quy định về việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; đồng thời xác định rõ “TTHC cần bãi bỏ, thay thế hoặc hết hiệu lực được công bố tại Quyết định trước đó” cho phù hợp.

2. Trong trường hợp TTHC có ít nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế và chỉ cần công bố bộ phận TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế: các cơ quan, đơn vị chỉ xây dựng đối với nội dung (bộ phận TTHC) cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế và xác định rõ văn bản QPPL có quy định về việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Phụ lục số 2**NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ CỦA CÁ NHÂN, TỔ CHỨC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 14/2014/QĐ-UBND ngày 03/6/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)

UBND tỉnh Đắk Lắk mong nhận được phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo các nội dung sau đây:

- Những vướng mắc cụ thể trong thực hiện quy định hành chính do hành vi chậm trễ kéo dài, gây phiền hà hoặc không thực hiện, thực hiện không đúng quy định hành chính của cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước như: từ chối thực hiện, kéo dài thời gian thực hiện TTHC; tự ý yêu cầu, bổ sung, đặt thêm hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật; sách nhiễu, gây phiền hà, đùn đẩy trách nhiệm; không niêm yết công khai, minh bạch TTHC hoặc niêm yết công khai không đầy đủ các TTHC tại nơi giải quyết TTHC; TTHC được niêm yết công khai đã hết hiệu lực thì hành hoặc trái với nội dung TTHC được đăng tải trên cơ sở dữ liệu quốc gia TTHC....

- Quy định hành chính không phù hợp với thủ tục; không đồng bộ, thiếu thống nhất; không hợp pháp hoặc trái với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập; những vấn đề khác liên quan đến quy định hành chính.

- Đề xuất phương án xử lý những phản ánh nêu trên hoặc có sáng kiến ban hành mới quy định hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống nhân dân.

Phản ánh, kiến nghị được gửi hoặc liên hệ theo địa chỉ sau:

- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk (giúp UBND tỉnh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức)

- Địa chỉ liên hệ: số 04 Trường Chinh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

- Số điện thoại chuyên dùng: 05003.999.975 - Số Fax: 05003.950172

- Địa chỉ thư điện tử: kstthc@tuphap.daklak.gov.vn

- Chuyên mục “TIẾP NHẬN, PHẢN ÁNH KIẾN NGHỊ VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH” trên trang tin điện tử tại địa chỉ <http://www.sotuphapdaklak.gov.vn>

Lưu ý:

- Cá nhân, tổ chức phản ánh, kiến nghị phải chứng minh nội dung phản ánh là có cơ sở, đúng sự thật.

- Phản ánh, kiến nghị phải sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt, ghi rõ nội dung phản ánh, kiến nghị.

- Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại (hoặc địa chỉ thư tín) của cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị;

- Không tiếp nhận các đơn, thư hoặc phản ánh, kiến nghị liên quan đến khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo

1 Số hồ sơ của TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đã đăng nhập trên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

2 Tên mới của TTHC sau khi được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3 Nêu chính xác tên của TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đã được công bố trước đó; số thứ tự của TTHC và tên, số, ký hiệu và ngày tháng năm ban hành của Quyết định đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4 Nêu tên, số, ký hiệu và ngày tháng năm ban hành và trích yếu của văn bản QPPL có quy định về nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có)

5 Số hồ sơ của TTHC bị hủy bỏ, bãi bỏ đã đăng nhập trên Cơ sở dữ liệu quốc gia

6 Nêu chính xác tên của TTHC bị hủy bỏ, bãi bỏ đã được công bố trước đó; số thứ tự của TTHC và tên, số, ký hiệu và ngày tháng năm ban hành của Quyết định đã công bố TTHC bị hủy bỏ, bãi bỏ.

7 Nêu rõ tên, số, ký hiệu ngày tháng năm ban hành và trích yếu của các văn bản QPPL quy định việc hủy bỏ hoặc bãi bỏ TTHC (nêu rõ Điều khoản quy định việc hủy bỏ bãi bỏ nếu có)